

TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../CPNT2-TMTTĐ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v: Báo giá dự toán mua sắm vật tư lọc của các hệ thống thay thế định kỳ nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà thầu tham dự chào giá lập dự toán

Tiếp theo công văn số 328/CPNT2-TMTTĐ ngày 26/03/2026, hiện nay PVPower NT2 đang xây dựng dự toán công tác mua sắm vật tư lọc của các hệ thống thay thế định kỳ nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026 với danh mục và thông số kỹ thuật của hàng hóa chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.

Đề nghị Quý Công ty gửi báo giá và các tài liệu kỹ thuật, thông tin về hàng hóa (nhà sản xuất, xuất xứ, chứng từ đính kèm hàng hóa ...) và thời gian giao hàng cụ thể của hàng hóa mà Quý Công ty chào trong bản báo giá cho PVPower NT2 theo thông tin như sau:

- Hình thức gửi báo giá: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax/Email;
- Thông tin tiếp nhận báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 -Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0251 2225899; Fax : 0251 2225897; Email: vanthu@pvnt2.com.vn
- Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 16h00 ngày 05/05/2026

Trân trọng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (thay b/c);
- P.KTSX, P.TCKT, P.TMTTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

 



Nguyễn Trung Thu

Phụ lục 1: danh mục và đặc tính kỹ thuật/ quy cách

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
1	Pressure filter	Type: DF BH/HC 60 MA 3 D1X/LED Nhà sản xuất: Hydac						
1.1	Lỗi lọc nhớt HCO GT	Type: 0060 D005 BH4HC Nhà sản xuất: Hydac	cái	2				
2	Pressure filter	DF BH/HC 240 QE10 A 1.0/-V Nhà sản xuất: Hydac						
2.1	Lỗi lọc hệ thống nhớt thủy lực điều khiển ST	Type: 0240 D010 BH4HC/-V Nhà sản xuất: Hydac	cái	4				
3	Return line filter	RF BN/HC 60 D C 10 D 1.0/-V-L24 Nhà sản xuất: Hydac						
3.1	Lỗi lọc hệ thống nhớt thủy lực điều khiển ST	Type: 0060 R010 BN4HC/-V Nhà sản xuất: Hydac	cái	4				
4	Return line filter	RF BN/HC 950 D 0 3 A 1.1/-V Nhà sản xuất: Hydac						
4.1	Lỗi lọc hệ thống nhớt thủy lực điều khiển ST	Type: 0950 R003 BN4HC/-V Nhà sản xuất: Hydac	cái	6				

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
5	Return filter	Type: RFM 165 B D XX A 1.0 Pos: RFM.01 Material No: 310599 Nhà sản xuất: Hydac						
5.1	Return filter element	Type: 0165 R 010 BN4HC Material no: 1262969 Nhà sản xuất: Hydac	cái	2				
6	Complete filter	Type: EH 450.25VG.30.E.P.VA.FS.7.P.VA.-. Nhà sản xuất: Internormen						
6.1	Filter element	Type: 300711 (01.E450.25VG.30.E.P.VA) Nhà sản xuất: Internormen	cái	2				
7	Lube oil filter	Type: DSF. 2005. 41586. 25V. 10. E. P. -. FD1. D.- DE.AV Nhà sản xuất: Internormen						
7.1	Filter element	Art.325682 01E.2001.25V.10.E.P.- Nhà sản xuất: Internormen	cái	1				
8	Lube oil filter	Type: DNA 2005.57691.25V.10.B.P.IS27 FA12.C. - . - .OE.AV.IS21 Nhà sản xuất: Internormen						

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
8.1	Lõi lọc nhớt bôi trơn ST	Type: 01.NR 1000.25V.10.B.P.IS27 Art no: 335641 Nhà sản xuất: Internormen	cái	2				
9	Lube oil filter	Duplex filter type: DSF 176.43837.25G.16E.P-FS.7.FW.02.P.- Nhà sản xuất: Internormen						
9.1	Hydraulic filter element	Type: 01E.175.25G.16E.P- P/N: 300161 Nhà sản xuất: Internormen	cái	6				
10	Oil mist separator	Oil Mist Separator Type: FF2-166 Specification FF2-166.30105 100 mbar at 225 m³/h Nhà sản xuất: Franke Filter						
10.1	Lõi lọc bộ hút chân không bồn nhớt GT	Type: MFK-032-39.4 Nhà sản xuất: Franke Filter	cái	69				
11	Oil mist separator	Oil Mist Separator Type FF2-266 Specification FF2-266.30104 100 mbar at 320 m³/h Nhà sản xuất: Franke Filter						
11.1	Lõi lọc bộ hút chân không bồn nhớt ST	Type: MFK-674-39.4 Nhà sản xuất: Franke Filter	cái	23				

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
12	Amberlyst A21 Resin	Amberlyst A21 Industrial-grade, Weakly Basic Polymeric Resin Particle Diameter: 0,490 - 0, 690 mm Nhà sản xuất: Amberlyst	kg	12				
13	Return Line Filter	Type: PI 50025-058/2 NBR Nhà sản xuất: Mahle						
13.1	Filter cartridge	Type: Pi 21025 RN PS 3 Nhà sản xuất: Mahle	cái	2				
14	Pressure line filter	Type: 768.039.0 (Pi 3211) Nhà sản xuất: Mahle						
14.1	Filter element	Type: PI 3211 PS VST 10 Nhà sản xuất: Mahle	cái	4				
15	Air filter	Type: NF-87-B-22 M22 x 1.5 Order No: 6.0173.1 Nhà sản xuất: Kaeser	cái	4				
16	Pre Filter	Type: FE-10 Mat. Nr: 9.4701.0 Nhà sản xuất: Kaeser						

Số văn bản: 431/CPNT2-TMTTĐ

Ngày ban hành: 16/04/2026

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
16.1	Filter cartridge	Type: E-E -10 Mat. Nr: 9.4861.0 Nhà sản xuất: Kaeser	cái	2				
17	Return filter	Item No. BGT11C10QBP2ER32B Nhà sản xuất: Parker						
17.1	Return filter Element	Element No. 938020Q Descr: TXW8B-10-B Nhà sản xuất: Parker	cái	2				
18	Pressure filter	Type No.70B210QBPKX321 Nhà sản xuất: Parker						
18.1	Filter element	10 mu 3111702106 Element No: 938777Q Nhà sản xuất: Parker	cái	6				
19	Triceptor air breather	P/N: 934332T-1 Nhà sản xuất: Parker	cái	1				
20	Dust-Liquid-Separator	Type VSFA-V-AZ 2.600.42.250.1 Serial no: 10.5472/1+2 Drawing no: 5.6-5745-1 Nhà sản xuất: Rotring Engineering						

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
20.1	Filter Cartridge	Filter element type: 270 REZHT 2.6 (VPPSG-HT 270/600) Material: Cellulose Pos: 53 Drawing no: 5.6-5745-1 Nhà sản xuất: Rotring hische GmbH	cái	4				
21	Air breather	Type: SA115G1L03A Nhà sản xuất: MP Filtri						
21.1	Air breather filter element	Type: A8L03 Nhà sản xuất: MP Filtri	cái	2				
22	Return oil filter	Type: MPF1002AG3P01 Nhà sản xuất: MP Filtri						
22.1	Filter element	Type: MF100-2-P10NB Nhà sản xuất: MP Filtri	cái	4				
23	Pressure filter	Type: FHP0651BAG2P01 Nhà sản xuất: MP Filtri						
23.1	Pressure filter element	Type: HP065-1-A10AN Nhà sản xuất: MP Filtri	cái	4				

Số văn bản: 431/CPNT2-TMTTĐ

Ngày ban hành: 16/04/2026

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
24	Mobile Air compressor	Model: SA37A Volume: 5,6 m3/min Rate Disch. Pressure: 10 kg/cm2G Drive: 50 HP-380V-50Hz-4P Airend. No: ES9150235 Serial No: SS9150250V1 Nhà sản xuất: Fusheng						
24.1	Oil filter	Part No: 2605530180 Nhà sản xuất: Fusheng	cái	2				
25	Air compressor	Model: SA37 Volume: 5,6 m3/min Rate Disch. Pressure: 1/1.05 MPa Driving motor Power: 37 KW (50HP)-380V-50Hz-2P Airend. No: ES9240357 Serial No: US9240263A Nhà sản xuất: Fusheng						
25.1	Air filter	Part No: 2116040177 Nhà sản xuất: Fusheng	cái	2				
25.2	Oil filter	Part No: 2605531490 Nhà sản xuất: Fusheng	cái	2				

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
25.3	Air Oil Separator	Part No: 2116010166 Nhà sản xuất: Fusheng	cái	2				
26	Soluble Varnish removal system	Model: SVR1200-M ASM Nhà sản xuất: EPT						
26.1	Filter	ICB-600524-V P/N: 600524V Nhà sản xuất: EPT	cái	2				
26.2	Filter	3 μ m, β 200, micro glass particulate filter P/N: 600699 Nhà sản xuất: EPT	cái	1				
27	Mobile Crane Truck	Model: GR-300EX Crane capacity: 30 ton at 3.0 m Boom: 4-section, 9.7 m - 31.0 m Nhà sản xuất: Tanado						
27.1	Lọc dầu	Type: 366-712-79510 Nhà sản xuất: Tadano	pcs	2				
27.2	Lõi lọc nhiên liệu	Type: FS19732 Nhà sản xuất: Tadano	pcs	2				
27.3	Lọc đường hút hệ thống thủy lực	Type: 363-505-35300 Nhà sản xuất: Tadano	pcs	2				

Số văn bản: 431/CPNT2-TMTTĐ

Ngày ban hành: 16/04/2026

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất tham chiếu,...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất <i>hoặc tương đương</i>	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
28	WTP Mix Bed Exchanger	Total Volume: 2.1 m3 Fluid Circulation: Water Design pressure: 10 kg/cm2 Operating pressure: 5 kg/cm2 Design Temp: 60oC Operating Temp: 40oC Nhà sản xuất: Organo						
28.1	Hạt nhựa trao đổi Cation	Loại C-1415H Nhà sản xuất: Organo	lít	250				
28.2	Hạt nhựa trao đổi Anion A-1740Cl	Loại A-1740Cl Nhà sản xuất: Organo	lít	750				